

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2026
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân.

2. Bà Phạm Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 07/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị C, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn K, xã M, tỉnh Lào Cai

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Bá S, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Đông Linh 3, xã Phụ Dực, tỉnh Hưng yên

Hiện đang cư trú tại Đài Loan

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Phùng Thị C có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại biên bản ghi lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá S tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

tại gia đình bố mẹ đẻ anh S và lao động tự do. Năm 2020 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thời hạn 03 năm, cuối năm 2024 anh S trở về nước, trong thời gian này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vì vậy sau khi về nước được 01 tháng thì anh S tiếp tục sang Đài loan và ra ngoài lao động tự do, không gọi điện hoặc về thăm vợ con. Tháng 7/2025 chị đã đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại tỉnh Lào Cai sinh sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị C khai chị và anh S có 01 con chung là Nguyễn Thùy C1, sinh ngày 30/6/2018 hiện chị đang nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Bá S:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh S biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh S vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh S và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh S vắng mặt.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Bá T là bố đẻ của anh S thể hiện: Chị C và anh S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông và lao động tự do, hiện tại anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C anh S ông không nắm được, vợ chồng sống ly thân mỗi người sống một nơi. Về con chung: chị C anh S có 01 con chung hiện do chị C đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung: chị C anh S không có tài sản chung. Nay chị C có đơn xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung ông T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện anh S đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, ông không biết địa chỉ cụ thể của anh S tại Đài Loan. Hàng ngày anh S vẫn gọi điện thoại cho ông, ông có hỏi địa chỉ cụ thể của anh S, nhưng anh S không cung cấp địa chỉ cho ông. Ông T đã thông báo cho anh S biết việc chị C xin ly hôn. Quan điểm của anh S là nhất trí ly hôn với chị C, nhất trí để chị C nuôi dưỡng con chung, vợ chồng không có tài sản chung. Anh S ủy quyền cho ông T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Chị C và anh S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C anh S cơ sở thôn không nắm rõ, từ tháng 9/2020 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể như thế nào cơ sở thôn không nắm được, chị C đã về Lào Cai sinh sống, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay chị C có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị C theo quy định của pháp luật.

* Công văn số 1024/XNC ngày 28/10/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp: Anh Nguyễn Bá S xuất cảnh lần gần nhất ngày 21/02/2024, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị C: Xử cho chị C được ly hôn anh S; Xử giao con chung Nguyễn Thùy C1, sinh ngày 30/6/2018 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Phùng Thị C2 và anh Nguyễn Bá S là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng trước khi đi xuất khẩu lao động là tại thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nay là: Thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên, hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài. Qua lời khai của chị C, ông T1 (bố anh S) thì anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Tòa án đã 02 lần yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ của anh S nhưng ông T không cung cấp được. Như vậy, bị đơn anh S được xác định ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 10 (*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị C, anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là xã P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/5/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh S và lao động tự do. Năm 2020 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuối năm 2024 anh S trở về nước, trong thời gian này giữa anh S và chị C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Sau thời gian về nước được 01 tháng thì anh S tiếp tục sang Đài loan và ra ngoài lao động tự do, không gọi điện hoặc về thăm vợ con. Tháng 7/2025 chị C đã đưa con chung trở về quê tại tỉnh Lào Cai sinh sống và sống ly thân cho đến nay. Còn đối với anh S quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh S biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh S vắng mặt. Như vậy anh S không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Qua xác minh thân nhân anh S và cơ sở thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị C theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh S là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị C và anh S có 01 con chung là Nguyễn Thùy C1, sinh ngày 30/6/2018. Xét nguyện vọng của chị C về nuôi dưỡng con chung cho thấy con chung được chị C trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi anh S đi lao động tại Đài Loan cho đến nay, hiện tại cháu C1 đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú cùng chị C, bản thân cháu C1 có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần xử giao con chung cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Bá S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thùy C1, sinh ngày 30/6/2018 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị C phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0001921 ngày 09/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 8, tỉnh Hưng Yên được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Anh Nguyễn Bá S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Ông Nguyễn Bá T;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Đức